TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 08 năm 2019

Môn thi: AC

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
1	Nguyễn Quang	An	16126001	16/01/1998	08	WS601	8.00	x
2	Trần Xuân	An	15113002	23/03/1997	09	WS701	8.50	x
3	Võ Thành	An	16111003	25/03/1998	10	WS1001	6.80	x
4	Võ Thị Thanh	An	14149002	11/11/1996	09	WS702	7.50	x
5	Dương Quốc	Anh	17118003	25/09/1999	09	WS703	6.50	x
6	Nguyễn Đặng	Anh	15126002	26/06/1997	10	WS601	6.80	x
7	Vũ Cao Lan	Anh	17126005	10/12/1999	08	WS801	8.50	x
8	Lê Quốc	Bảo	15111008	17/08/1997	10	WS801	8.30	x
9	Nguyễn Xuân	Bảo	15139010	30/09/1996	10	WS602	6.80	x
10	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	17139010	25/11/1999	08	WS602	5.00	x
11	K"	Bừng	15154006	05/05/1997	10	WS1003	6.90	x
12	Nguyễn Thị Bé	Bơ	17117001	09/04/1999	10	WS1002	6.50	x
13	Mai Minh	Công	16111020	21/09/1996	10	WS506	6.90	x
14	Nguyễn Thành	Công	17154009	11/03/1999	09	WS902	7.50	x
15	Nguyễn Thị Kim	Cương	16139016	13/12/1998	08	WS606	6.50	x
16	Phạm Quốc	Cương	17125030	10/12/1999	09	WS903	8.00	x
17	Lê Diệp Minh	Cường	15124369	13/03/1996	09	WS705	6.00	x
18	Ngô Tấn	Cường	16139017	29/08/1998	09	WS706	8.50	x
19	Nguyễn Văn Mạnh	Cường	15116015	26/09/1997	10	WS603	7.80	x
20	Trần Quốc	Cường	16122032	16/06/1998	08	WS802	5.00	x
21	Đào Thị Bảo	Châu	15131008	12/05/1997	08	WS603	7.50	x
22	Nguyễn Quế	Chi	16132271	10/07/1998	08	WS604	6.30	x
23	Nguyễn Thị Vi	Chi	16149008	05/04/1998	10	WS1004	7.10	x
24	Nguyễn Minh	Chiến	15113008	07/11/1995	09	WS704	6.40	x
25	Nguyễn Thị Nhật	Chiêu	16132272	10/02/1998	08	WS605	7.30	x
26	Võ Thị	Chung	16120025	09/11/1997	09	WS901	6.50	x
27	Nguyễn Kiều	Diễm	17423003	27/09/1994	09	WS707	7.00	x
28	TrỊnh Thị Thùy	Diễm	17123009	10/07/1999	08	WS607	6.90	x

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 08 năm 2019

Môn thi: AC

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
29	Kiều Văn	Diễn	16125134	30/01/1998	09	WS905	8.50	x
30	Lê Đức	Diệu	15127016	02/07/1997	10	WS1006	6.40	x
31	Võ Thị Mỹ	Diệu	16155008	03/07/1998	10	WS802	7.80	x
32	Trần Thị	Diên	16122043	12/06/1998	10	WS1005	4.30	
33	Triệu Thị Phương	Dung	15162006	30/10/1997	08	WS803	8.30	x
34	Lê Viết	Duy	14155055	10/09/1996	10	WS604	6.90	x
35	Đỗ Xuân	Duy	15139026	06/02/1996	10	WS605	7.00	x
36	Ngô Hồng	Duy	15118026	30/08/1997	10	WS803	6.60	x
37	Nguyễn Vũ Hoàng	Duy	15138019	07/08/1996	10	WS804	6.50	x
38	Phan Lê	Duy	17137016	07/11/1999	08	WS804	8.00	x
39	Trần Đình	Duy	17128022	03/07/1999	08	WS608	5.50	x
40	Lê Thị	Duyên	15112026	10/09/1997	08	WS609	5.60	x
41	Mai Thị Mỹ	Duyên	16114223	20/09/1998	10	WS606	5.50	x
42	Đỗ Ngọc	Duyên	14111031	05/02/1996	09	WS709	5.50	x
43	Nguyễn Trần Thị Ngọc	Duyên	17139031	22/09/1999	09	WS708	5.80	x
44	Cao Minh Thùy	Giang	16111046	22/07/1998	09	WS710	6.00	x
45	Phan Thị Ngọc	Hân	16125174	15/01/1998	10	WS607	8.50	x
46	Bùi Thị Thu	Hằng	16155016	12/11/1998	10	WS805	8.80	x
47	K" Thu	Hằng	15113030	14/04/1997	08	WS805	7.00	x
48	Liêu Thị Ngọc	Hằng	15126188	19/11/1996	08	WS610	5.00	x
49	Nguyễn Thị Thu	Hằng	17111037	21/01/1999	10	WS508	5.00	x
50	Trần Thị Thanh	Hằng	16124236	03/09/1998	10	WS608	7.80	x
51	Lưu Hồng	Hạnh	17422002	08/07/1990	10	WS1007	5.10	x
52	Trần Thị Hồng	Hạnh	17149043	28/10/1999	10	WS509	6.10	x
53	Trần Thị Xuân	Hạnh	16125187	10/12/1998	10	WS806	6.50	x
54	Lê Thị Hồng	Hà	17128030	05/07/1999	08	WS611	8.50	x
55	Đào Ngân	Hà	16139045	17/05/1997	08	WS612	7.00	x
56	Nguyễn Thị Hoàng	Hà	17120037	29/09/1999	09	WS907	7.80	x

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 08 năm 2019

Môn thi: AC

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
57	Nguyễn Thị Chúc	Hà	16122070	09/10/1998	08	WS806	7.50	x
58	Trương Mỹ	Hà	14124483	28/02/1995	08	WS807	8.00	x
59	Nguyễn Văn	Hào	15116035	02/05/1997	10	WS609	7.30	x
60	Trần Nhựt	Hào	16154028	25/04/1998	08	WS808	6.40	x
61	Phan Phước	Hiền	15154022	02/04/1997	10	WS1009	8.50	x
62	Phạm Đại	Hiệp	15113040	01/12/1997	10	WS809	6.80	x
63	Bùi Thị	Hiếu	16124064	05/02/1998	10	WS1010	6.30	x
64	Hoàng Văn	Hiếu	14131058	01/10/1996	08	WS809	5.90	x
65	Nguyễn Thành	Hiếu	17137020	06/10/1999	08	WS810	6.00	x
66	Nguyễn Huỳnh Minh	Hiếu	15126038	04/05/1997	10	WS610	7.80	x
67	Phan Thị Minh	Hiếu	16125197	16/11/1998	09	WS908	5.50	x
68	Hồ Thị Tuyết	Hoa	16139071	08/12/1998	10	WS612	5.40	x
69	Thạch Thị Thúy	Hoa	16145288	10/06/1997	09	WS909	7.40	x
70	Nguyễn Thị Ánh	Hồng	15122068	11/05/1997	10	WS613	8.80	x
71	Võ Thị Thu	Hồng	17124058	28/04/1999	08	WS613	9.30	x
72	Trần Thị	Hoà	16115056	12/06/1998	10	WS1012	5.10	x
73	Võ Thái	Học	16113043	15/06/1998	09	WS910	6.10	x
74	Đỗ Phạm Minh	Hòa	16124068	24/07/1998	10	WS1013	5.00	x
75	Nguyễn Thanh	Hương	16125221	28/03/1998	10	WS810	8.30	x
76	Nguyễn Thị Thu	Hường	16120102	02/02/1997	10	WS1014	6.40	x
77	Nguyễn Công	Huấn	17111046	16/06/1999	09	WS911	6.80	x
78	Võ Thị Hồng	Huế	16123082	10/08/1997	09	WS912	5.60	x
79	Ka	Huệ	15149199	15/12/1996	10	WS614	6.90	x
80	Đặng Văn	Huy	17454001	22/08/1996	10	WS1015	5.00	x
81	Nguyễn Quang	Huy	15123032	25/09/1997	10	WS811	8.30	x
82	Phạm Thanh	Huy	14126087	09/11/1996	10	WS1016	6.00	x
83	Trần Ngọc	Huy	14113353	27/08/1996	09	WS711	3.80	
84	Võ Nhật	Huy	14124093	21/02/1996	10	WS615	7.50	x

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 08 năm 2019

Môn thi: AC

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
85	Hoàng Thị Thanh	Huyền	16112577	30/12/1998	08	WS811	7.00	x
86	Nguyễn Bé	Huyền	16123098	07/01/1997	09	WS913	7.30	x
87	Trần Thị Mỹ	Huyền	16125235	01/04/1998	09	WS914	9.00	x
88	Trần Thị Ngọc	Huyền	16125236	12/01/1998	10	WS616	5.80	x
89	Võ Công	Huyện	15122080	24/09/1997	10	WS617	7.50	x
90	Lê Thị Thúy	Kiều	16122142	12/11/1998	10	WS521	9.30	x
91	Nguyễn Ngô Đức	Khang	16125242	09/07/1998	09	WS915	8.00	x
92	Nguyễn Bích	Khả	16122134	14/10/1998	10	WS1017	6.00	x
93	Chu Thị	Lan	14125623	26/05/1995	10	WS1019	4.60	
94	Đinh Thị Thu	Lan	17127036	22/05/1999	08	WS812	5.80	x
95	Trương Thị Minh	Lài	17149068	18/05/1999	10	WS524	5.90	x
96	Vũ Thị Nhật	Lệ	15113057	06/05/1997	08	WS813	5.10	x
97	Võ Thị Thúy	Liểu	15115078	12/09/1997	10	WS523	8.50	x
98	Trần Thị Ái	Liên	17123044	20/08/1999	08	WS614	7.40	x
99	Lê Văn	linh	15112068	28/10/1996	10	WS812	5.90	x
100	Liêu Ngọc Phương	Linh	17124089	17/09/1999	08	WS615	7.80	x
101	Nguyễn Phạm Trúc	Linh	15162022	27/07/1996	08	WS814	5.80	x
102	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	15122104	15/01/1997	09	WS712	5.40	x
103	Nguyễn Văn	Linh	16145208	22/04/1998	09	WS916	6.90	x
104	Trần Tú Mỹ	Linh	15131062	14/01/1997	08	WS616	4.10	
105	Vũ Thị Khánh	Linh	16122164	22/11/1998	09	WS917	5.30	x
106	Tạ Thị Kim	Lư	15162024	16/12/1996	08	WS815	6.80	x
107	Trần Tấn	Lộc	17111076	07/03/1999	09	WS918	7.50	x
108	Phạm Thanh	Long	14111102	02/02/1996	09	WS713	6.40	x
109	Vũ Văn	Long	14111265	29/05/1995	09	WS714	6.90	x
110	Nguyễn Ngọc	Lợi	17116076	05/05/1999	10	WS1020	6.50	x
111	Hồ Xuân	Luật	15131066	08/10/1997	08	WS617	5.10	x
112	Thành Trọng	Luân	14122175	08/01/1994	10	WS813	8.00	x

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 08 năm 2019

Môn thi: AC

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
113	Nguyễn Thành	Luyến	16118095	25/10/1998	10	WS814	5.10	x
114	Trương Công	Lý	15120089	20/12/1997	10	WS1021	6.30	x
115	Đỗ Thanh	Mai	16113070	02/05/1998	10	WS618	7.00	x
116	Trần Thị Xuân	Mai	15132053	11/02/1996	08	WS816	7.00	x
117	Phạm Bình	Minh	15126079	28/10/1997	10	WS619	6.40	x
118	Trần Như	Minh	15131076	12/07/1997	08	WS618	5.40	x
119	Nguyễn Hồng	Na	16120154	16/01/1998	09	WS715	3.30	
120	Lê Quảng	Đại	16126015	10/08/1998	09	WS919	6.30	x
121	Phạm Thành	Đại	14122226	07/02/1996	10	WS620	8.80	x
122	Dương Minh	Đạt	14113263	05/12/1988	09	WS716	5.00	x
123	Lê Bá Tiến	Đạt	15153008	20/09/1996	10	WS1022	9.30	x
124	Nguyễn Thành	Đạt	15112015	25/01/1997	09	WS717	7.30	x
125	Vũ Văn	Đạt	14111041	18/11/1996	10	WS621	8.00	x
126	Trần Hoài	Nam	17127042	29/07/1999	10	WS815	9.50	x
127	Trần Đông	Nam	16139127	29/03/1997	08	WS619	6.60	x
128	Phạm Thị Trang	Đài	15125328	24/04/1997	10	WS622	8.30	x
129	Nguyễn Thị	Nàng	17423013	21/08/1988	10	WS1023	7.00	x
130	Trương Thị Ngọc	Điệp	17125039	29/03/1999	10	WS820	5.80	x
131	Nguyễn Thị Kim	Đình	15120017	18/09/1997	10	WS1030	7.10	x
132	Lê Tấn	Đôn	17137012	05/06/1999	08	WS822	6.40	x
133	Trần Nguyên	Đông	16155010	02/04/1998	10	WS821	7.80	x
134	Nguyễn Trọng	Đức	17126018	15/10/1999	08	WS823	7.60	x
135	Phạm Minh	Đức	15120022	23/06/1997	10	WS510	3.00	
136	Trần Thị	Nga	16132343	22/05/1998	09	WS718	5.80	x
137	Lê Xuân Tuyến	Ngân	17124108	20/01/1999	08	WS620	5.30	x
138	Nguyễn Thị Kim	Ngân	14116136	02/01/1996	09	WS920	6.00	x
139	Trần Thị Thủy	Ngân	17125172	17/05/1999	10	WS816	6.30	x
140	Mã	Nghiêm	15127073	22/02/1997	10	WS623	8.00	x

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 08 năm 2019

Môn thi: AC

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
141	Trần Hữu	Nghĩa	17454003	24/04/1995	10	WS1024	2.00	
142	Phan Mỹ	Ngọc	16113087	20/06/1998	10	WS624	8.00	x
143	Văn Thị Kim	Ngọc	17116103	01/02/1999	10	WS1025	9.00	x
144	Bùi Hưng	Nguyên	15113251		08	WS621	7.00	x
145	Nguyễn Lê	Nguyên	15121039	15/10/1996	09	WS719	5.80	x
146	Đoàn Quang	Nhật	16114005	01/09/1998	10	WS625	3.00	
147	Nguyễn	Nhật	14132198	20/04/1996	10	WS1027	8.80	x
148	Nguyễn Hoàng	Nhật	16128066	21/02/1997	10	WS1028	7.50	x
149	Võ Khắc Hoàn	Nhân	15154036	27/09/1997	10	WS1026	8.00	x
150	Hồ Thị Thanh	Nhi	16125366	03/01/1998	08	WS817	5.80	x
151	Huỳnh Phạm Thảo	Nhi	17125193	26/06/1999	10	WS818	8.80	x
152	Đỗ Thị Thúy	Nhi	16125364	24/06/1998	10	WS819	8.00	x
153	Huỳnh Thị Mỹ	Nhiên	16145231	06/01/1998	09	WS921	7.80	x
154	Nguyễn Văn	Nhiên	15137038	19/05/1997	08	WS818	9.00	x
155	Lê Thị	Như	17123074	17/10/1999	08	WS819	7.80	x
156	Nguyễn Ngọc Huỳnh	Như	15113080	25/12/1997	09	WS720	7.80	x
157	Trần Thị Tú	Như	16113095	22/02/1997	10	WS626	6.00	x
158	Võ Huỳnh Minh	Nhựt	15128078	28/07/1997	10	WS627	7.80	x
159	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	14112683	04/08/1996	10	WS1029	9.00	x
160	Phạm Thị Hồng	Nhung	16145234	21/07/1998	08	WS820	7.00	x
161	Võ Đặng Quế	Nhung	17124125	14/05/1999	08	WS821	6.50	x
162	Ma	Oanh	15127090	30/09/1997	10	WS628	8.30	x
163	Nguyễn Thị Kim	Oanh	17423016	20/11/1992	10	WS1031	8.80	x
164	Hồ Đức	Phát	17127054	04/10/1999	10	WS822	6.50	x
165	Võ Phạm Thanh	Phát	17424031	19/02/1995	10	WS1032	6.00	x
166	Bùi Quốc	Phong	15111107	28/05/1996	10	WS629	6.90	x
167	Lê Thanh	Phong	16111142	14/03/1998	10	WS823	6.50	x
168	Đặng Thanh	Phong	15154038	09/08/1997	09	WS721	7.10	x

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 08 năm 2019

Môn thi: AC

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
169	Nguyễn Ngọc Yến	Phượng	17120135	31/03/1999	09	WS922	5.90	x
170	Nguyễn Thị Tư	Phượng	15112125	07/11/1997	09	WS923	8.80	x
171	Phạm Vũ Hoài	Phương	16145239	30/09/1998	09	WS924	5.00	x
172	Trần Thị	Phương	15112124	08/07/1997	08	WS622	5.90	x
173	Trần Thị Hà	Phương	15122170	21/06/1997	10	WS630	5.80	x
174	Hồ Thanh	Phụng	14127098	31/10/1996	10	WS824	7.40	x
175	Hồ Thị Kim	Phụng	15131105	14/04/1997	08	WS623	7.80	x
176	Võ Kim	Phụng	17422007	01/01/1988	10	WS1033	5.00	x
177	Nguyễn Đình	Phú	14112412	28/02/1996	10	WS631	8.50	x
178	Nguyễn Nhật	Quân	17137055	10/11/1999	08	WS824	7.00	x
179	Trần Hoàng	Quân	14128089	16/06/1996	10	WS632	7.30	x
180	Ngô Thành	Quí	17137058	29/05/1999	08	WS825	7.30	x
181	Lê Thị Ngọc	Quyền	15120143	18/06/1997	10	WS1034	6.50	x
182	Nguyễn Thị Cẩm	Quyên	16131191	27/04/1997	09	WS925	7.80	x
183	Tạ Thị Kim	Quyên	16115143	19/11/1998	10	WS825	5.50	x
184	Võ Thị Như	Quỳnh	17131107	02/11/1999	08	WS826	7.00	x
185	Nguyễn Ngọc	Quý	15131112	03/04/1997	08	WS624	1.30	
186	Trần Tấn	Sỉ	15116132	25/10/1997	10	WS511	5.30	x
187	Lê Ngọc	Sang	16145246	09/06/1998	08	WS625	6.40	x
188	Nguyễn Thị Thu	Sang	15112134	19/03/1997	08	WS626	8.50	x
189	Nguyễn Thị Diễm	Sương	16120220	06/08/1998	09	WS722	6.50	x
190	Nguyễn Ngọc	Sơn	16114286	22/10/1998	09	WS926	5.50	x
191	Nguyễn Thị Kim	Sum	17139122	10/02/1999	08	WS827	7.10	x
192	Huỳnh Minh	Tâm	15131117	25/04/1996	10	WS826	5.00	x
193	Mạc Thanh	Tâm	17423019	21/08/1994	10	WS1035	8.50	x
194	Đoàn Minh	Tân	16131203	01/11/1998	10	WS1036	7.00	x
195	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	16132395	19/02/1998	09	WS729	5.00	x
196	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	16122322	02/12/1998	08	WS834	7.60	x

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 08 năm 2019

Môn thi: AC

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
197	Phan Đặng Cẩm	Tiên	17112220	05/01/1999	10	WS512	7.30	x
198	Trần Thị Thủy	Tiên	16155076	05/06/1998	10	WS833	8.80	x
199	Lê Nguyễn Hoàng	Tín	17127077	10/06/1999	10	WS834	8.30	x
200	Bùi Ngọc	Tình	15122222	12/04/1997	10	WS835	9.30	x
201	Nguyễn Thị	Tươi	16155088	03/09/1997	10	WS836	7.60	x
202	Nguyễn Lê Vĩnh	Tường	17111161	19/06/1999	09	WS934	5.00	x
203	Thái Thanh	Tùng	16145275	06/08/1997	09	WS935	7.80	x
204	Nguyễn Anh	Tú	15113189	09/10/1997	08	WS636	2.80	
205	Lê Nguyễn Lam	Tuyền	15127149	17/10/1997	09	WS738	5.00	x
206	Trần Thị Thanh	Tuyền	16122368	23/08/1998	09	WS936	5.50	x
207	Tô Bùi Kim	Tuyến	16149150	08/03/1998	10	WS502	8.30	x
208	Trần Ngọc	Tý	15116197	27/02/1997	10	WS503	8.30	x
209	Trần Đặng Hồng	Thạnh	16126160	24/03/1998	09	WS927	8.00	x
210	Đặng Duy	Thanh	14111310	07/05/1996	09	WS723	2.90	
211	Phạm Duy	Thanh	15126129	09/05/1997	08	WS627	7.00	x
212	Trần Chí	Thanh	16125606	20/04/1998	09	WS928	7.00	x
213	Trần Thị	Thanh	16123185	09/05/1998	10	WS633	3.40	
214	Lê Quỳnh	Thao	15114150	07/09/1997	10	WS828	8.00	x
215	Lâm Hồng	Thái	15137049	15/10/1997	09	WS724	7.00	x
216	Lê Văn	Thảnh	15137052	06/02/1997	09	WS725	8.80	x
217	Lê Thị Mai	Thảo	16125447	26/06/1998	08	WS828	5.40	x
218	Lê Thị Phương	Thảo	16125448	12/02/1998	10	WS829	5.50	x
219	Nguyễn Ngọc	Thảo	17124158	16/04/1999	10	WS1008	6.40	x
220	Nguyễn Thị	Thảo	16123187	16/02/1998	09	WS929	7.40	x
221	Nguyễn Thị Thu	Thảo	16122291	16/08/1998	09	WS930	5.90	x
222	Nguyễn Thị Thu	Thảo	17424040	11/02/1994	10	WS1037	5.00	x
223	Võ Thị Thanh	Thảo	16422014	16/10/1992	08	WS829	7.40	x
224	Võ Thị Diễm	Thi	15426009	20/04/1990	10	WS634	5.00	x

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 08 năm 2019

Môn thi: AC

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
225	Lê Minh	Thiện	15154057	10/03/1997	08	WS629	7.50	x
226	Nguyễn Thị Anh	Thư	15126139	10/06/1997	09	WS726	6.80	x
227	Nguyễn Thị Bích	Thư	16424005	24/04/1993	10	WS830	7.00	x
228	Nguyễn Thị Huệ	Thư	16125476	23/08/1998	08	WS831	8.80	x
229	Phạm Thị Mỹ	Thoa	17139135	02/09/1999	08	WS630	6.00	x
230	Lưu Văn	Thông	15163068	18/03/1995	10	WS636	7.00	x
231	Nguyễn Quan	Thọ	16126168	12/02/1998	09	WS727	7.80	x
232	Lê Thị Hoài	Thương	17111143	24/08/1999	09	WS932	7.00	x
233	Trần Thị Thanh	Thương	17139141	21/10/1999	08	WS832	3.40	
234	Võ Thị	Thơ	16132383	03/12/1998	08	WS830	5.40	x
235	Vũ Thị	Thu	16423041	03/02/1986	10	WS1038	6.50	x
236	Lương Thị	Thùy	15149143	17/02/1996	10	WS831	5.30	x
237	Phạm Thị	Thùy	16114299	15/07/1998	10	WS637	5.90	x
238	Lê Thị Ngọc	Thúy	16145262	11/03/1998	09	WS933	6.90	x
239	Trần Thị Phương	Thúy	17123099	22/11/1999	08	WS631	8.50	x
240	Võ Thị Diễm	Thúy	14131174	20/10/1996	08	WS632	6.40	x
241	Nguyễn Thị	Thủy	16115174	02/04/1998	10	WS1039	5.10	x
242	Nguyễn Thị Kim	Thủy	15122210	26/05/1997	09	WS728	5.50	x
243	Lê Thị Mỹ	Thuyền	17124181	03/08/1999	08	WS633	6.30	x
244	Nguyễn Thị Thanh	Thuý	16125488	05/07/1998	10	WS638	8.00	x
245	Huỳnh Thị Minh	Thy	17124183	03/07/1999	08	WS833	6.30	x
246	Vương Ngọc Mai	Thy	16125496	12/11/1998	10	WS832	6.30	x
247	Nguyễn Thị Xuân	Trầm	16132398	27/11/1998	09	WS730	5.50	x
248	Đặng Thị Ngọc	Trâm	17139149	11/01/1999	08	WS835	7.80	x
249	Đặng Thị Bích	Trâm	16122329	16/12/1998	08	WS836	5.90	x
250	Nguyễn Thị Bích	Trâm	16131249	19/05/1998	10	WS639	6.80	x
251	Bùi Ngọc	Trân	15163077	16/10/1997	10	WS1040	5.90	x
252	Lê Thị Huyền	Trân	16139211	24/12/1997	10	WS513	8.00	x

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 08 năm 2019

Môn thi: AC

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
253	Trần Ngọc Bảo	Trân	15149149	15/06/1997	10	WS837	7.80	x
254	Võ Hoàng	Trân	16139212	02/08/1997	08	WS634	7.00	x
255	Lê Thị Hồng	Trang	15126160	17/03/1997	09	WS731	7.80	x
256	Đậu Thị Huyền	Trang	15117078	09/03/1997	10	WS838	7.50	x
257	Nguyễn Thị Bảo	Trang	17111150	24/12/1999	10	WS514	7.30	x
258	Đặng Quốc	Trí	17454008	19/02/1996	10	WS515	6.00	x
259	Trần Quang	Trí	15127138	06/09/1997	09	WS733	7.80	x
260	Hà Minh	Triết	15126166	23/09/1997	09	WS734	3.50	
261	Bùi Mỹ	Trinh	15131147	12/05/1997	08	WS635	5.80	x
262	Nguyễn Ngọc Thảo	Trinh	15127141	10/02/1997	09	WS735	8.80	x
263	Nguyễn Thị Việt	Trinh	16115186	29/09/1998	10	WS516	2.80	
264	Nguyễn Thành	Trọng	16111238	12/12/1998	09	WS736	7.00	x
265	Trần Qúi	Trọng	17454009	29/07/1996	09	WS737	7.30	x
266	Nguyễn Minh	Trung	15122252	10/01/1997	10	WS501	7.00	x
267	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	17127087	05/03/1999	10	WS517	5.80	x
268	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	14122494	05/10/1996	10	WS839	6.00	x
269	Nguyễn Thị	út	15112186	10/05/1997	09	WS739	8.30	x
270	Ngô Thị Cẩm	Vân	16125560	03/03/1996	08	WS637	5.90	x
271	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	16120320	02/06/1998	08	WS837	4.40	
272	Đặng Thị Hoàng	Văn	15112191	10/06/1997	08	WS638	5.50	x
273	Nguyễn Thị Tường	Vi	16155096	20/03/1998	09	WS740	6.60	x
274	Võ Thị Tường	Vi	17139171	23/01/1999	08	WS838	6.30	x
275	Nguyễn Thanh	Viễn	14116275	12/06/1996	10	WS504	8.00	x
276	Cao Bá	Vinh	17127095	23/10/1999	09	WS938	6.50	x
277	Nguyễn Văn	Vinh	15125283	09/04/1997	09	WS906	5.30	x
278	Trần Phước	Vinh	14118093	23/06/1996	10	WS840	5.90	x
279	Bồ Thanh	Vĩnh	17111171	28/10/1999	09	WS939	7.40	x
280	Nguyễn Thanh	Vương	15131166	12/03/1997	08	WS639	5.00	x

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 08 năm 2019

Môn thi: AC

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
281	Bùi Tuấn	Vũ	15122275	16/10/1997	10	WS505	9.00	x
282	Đặng Hoàng	Vũ	15118133	05/09/1997	09	WS940	6.80	x
283	Đặng Tuấn	Vũ	14155134	24/10/1995	10	WS518	6.00	x
284	Chau Kim Đa	Vy	15126212	06/09/1996	09	WS931	7.50	x
285	Mai Thị Thuỳ	Vy	16122387	24/12/1998	10	WS522	8.80	x
286	Trần Nguyễn Thúy	Vy	17139175	31/01/1999	08	WS839	7.50	x
287	Vũ Thảo	Vy	16112764	16/06/1996	09	WS937	6.90	x
288	Phạm Yến	Xuân	14126301	05/01/1996	09	WS732	7.40	x
289	Nguyễn Thị Kim	Yến	16125587	21/01/1998	08	WS640	7.30	x
290	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	16145283	23/04/1998	08	WS840	7.80	x

TRUNG TÂM TIN HỌC